

DANH SÁCH DỰ THI CC ƯD CNTT CƠ BẢN KHÓA 53*Ngày thi: 13/4/2024 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
1	CB53001	2100530	Trà Thị Cẩm	An	02/10/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 01
2	CB53002	QLCN2411022	Đào Lê Vân	Anh	26/08/2006	Cần Thơ	Phòng Máy 01
3	CB53003	CNXD2211007	Huỳnh	Anh	13/09/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 01
4	CB53004	NGNA2411035	Lư Hồng	Anh	22/08/2006	Đồng Tháp	Phòng Máy 01
5	CB53005	QTKD2311009	Ngô Nguyễn Gia	Bảo	02/10/2005	An Giang	Phòng Máy 01
6	CB53006	2100265	Nguyễn Bích	Chăm	12/08/2003	Cà Mau	Phòng Máy 01
7	CB53007	CNDD2311046	Nguyễn Phạm	Dĩ	19/03/2005	An Giang	Phòng Máy 01
8	CB53008		Nguyễn Ngọc Linh	Đan	19/01/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 01
9	CB53009	2101498	Phan Thị Bích	Đào	03/09/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 01
10	CB53010	CNDD2311068	Dư Thành	Đạt	28/12/2005	Hậu Giang	Phòng Máy 01
11	CB53011	2100959	Trương Quốc	Đạt	13/11/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 01
12	CB53012	CNDD2311072	Đào Văn	Đậm	08/02/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
13	CB53013	NGNA2411041	Huỳnh Kim	Đoan	01/06/2006	Bạc Liêu	Phòng Máy 01
14	CB53014	CNDD2311006	Lê Hoàng	Đợi	17/04/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 01
15	CB53015	CNDD2311080	Nguyễn Minh	Đức	05/10/2005	Vĩnh Long	Phòng Máy 01
16	CB53016	2000835	Nguyễn Ngọc	Đức	01/05/2002	An Giang	Phòng Máy 01
17	CB53017	CNDD2311081	Trần Minh	Đức	07/01/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
18	CB53018		Võ Minh	Đức	28/01/1978	Trà Vinh	Phòng Máy 01
19	CB53019	2000319	Trần Trường	Giang	29/03/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 02
20	CB53020	CNDD2311052	Lê Anh	Hào	22/06/2005	An Giang	Phòng Máy 02
21	CB53021	CNDD2311023	Trần Nhựt	Hào	24/05/2005	Cà Mau	Phòng Máy 02
22	CB53022	CNDD2311049	Trịnh Anh	Hào	26/11/2005	An Giang	Phòng Máy 02
23	CB53023	LUAT2411031	Nguyễn Hiếu	Hậu	19/02/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng Máy 02

DANH SÁCH DỰ THI CC ƯD CNTT CƠ BẢN KHÓA 53*Ngày thi: 13/4/2024 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
24	CB53024	CNDD2311078	Danh Trung	Hiếu	27/04/2005	Kiên Giang	Phòng Máy 02
25	CB53025	CNDD2311030	Nguyễn Minh	Hoà	09/04/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 02
26	CB53026	2000519	Lê Phú	Hùng	21/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng Máy 02
27	CB53027	CNDD2311065	Phạm Thanh	Huy	21/02/2005	Tiền Giang	Phòng Máy 02
28	CB53028	KETO2311026	Lâm Như	Huỳnh	01/08/2005	Vĩnh Long	Phòng Máy 02
29	CB53029	CNXD2411018	Huỳnh	Hương	15/07/2006	Hậu Giang	Phòng Máy 02
30	CB53030	2000552	Trần Thị Diễm	Hương	22/09/2002	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
31	CB53031	QLCN2411013	Văn Thanh	Hương	26/02/2006	Hậu Giang	Phòng Máy 02
32	CB53032	2101293	Phan Văn Tuấn	Kiệt	09/09/2003	Tiền Giang	Phòng Máy 02
33	CB53033	CNDD2311009	Lê Nhân	Kiệt	21/10/2005	An Giang	Phòng Máy 02
34	CB53034	CNDD2311073	Nguyễn Minh	Kha	03/01/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
35	CB53035	LUAT2311013	Phan Vỹ	Kha	25/12/2005	Vĩnh Long	Phòng Máy 02
36	CB53036	CNDD2311004	Võ Minh	Kha	26/02/2005	Vĩnh Long	Phòng Máy 02
37	CB53037	CNDD2311062	Nguyễn Bảo	Khánh	29/01/2005	Hậu Giang	Phòng Máy 03
38	CB53038	CNDD2311026	Võ Minh	Khôi	19/08/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
39	CB53039	CNDD2311001	Võ Quốc	Lập	29/09/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
40	CB53040	KETO2311062	Thạch Thị Ái	Liên	13/10/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
41	CB53041	LQCC2211007	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	22/09/2004	Vĩnh Long	Phòng Máy 03
42	CB53042	CNDD2311088	Mai Bảo	Long	18/01/2005	Cà Mau	Phòng Máy 03
43	CB53043	2101460	Hồ Minh	Luân	17/07/2003	An Giang	Phòng Máy 03
44	CB53044	CNDD2311032	Lê Ngọc	Mến	27/06/2005	Cà Mau	Phòng Máy 03
45	CB53045		Trần Thị Ái	Mi	05/07/2001	An Giang	Phòng Máy 03
46	CB53046	CNDD2311060	Nguyễn Khải	Minh	14/08/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng Máy 03

DANH SÁCH DỰ THI CC ƯD CNTT CƠ BẢN KHÓA 53*Ngày thi: 13/4/2024 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
47	CB53047	LUAT2411017	Nguyễn Thị Trúc	My	17/08/2006	Cần Thơ	Phòng Máy 03
48	CB53048	KETO2311019	Trần Tiên	Nữ	09/04/2004	Cà Mau	Phòng Máy 03
49	CB53049	LQCC2211010	Huỳnh Thanh	Ngân	30/03/2002	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
50	CB53050	LQCC2211068	Huỳnh Thị Thảo	Ngân	21/10/2004	An Giang	Phòng Máy 03
51	CB53051	2000742	Đặng Hữu	Nghiêm	19/11/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 03
52	CB53052	2000641	Hồ Thanh	Nguyễn	08/05/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 03
53	CB53053	2100471	Phan Hữu	Nguyễn	11/08/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03
54	CB53054	KETO2311074	Phạm Thị Tuyết	Như	05/05/2005	Cà Mau	Phòng Máy 03
55	CB53055	2101622	Nguyễn Minh	Nhựt	12/11/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 04
56	CB53056		Nguyễn Thị Kiều	Oanh	13/01/2004	Đồng Tháp	Phòng Máy 04
57	CB53057	2101481	Phạm Lâm Hữu	Phát	27/07/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04
58	CB53058	CNDD2311045	Nguyễn Trọng	Phúc	26/09/2005	Cà Mau	Phòng Máy 04
59	CB53059	LUAT2311002	Phạm Đặng	Phúc	14/06/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 04
60	CB53060	2000382	Trần Hoàng	Phúc	03/12/2002	Hậu Giang	Phòng Máy 04
61	CB53061	CNDD2311041	Trương Trọng	Quý	19/07/2005	Đồng Tháp	Phòng Máy 04
62	CB53062	QTKD2311007	Lê Văn	Sang	28/11/2005	Cà Mau	Phòng Máy 04
63	CB53063	CNDD2311050	Nguyễn Hải Trung	Son	11/06/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 04
64	CB53064	CNCD2311008	Nguyễn Thành	Tâm	18/03/2005	Đồng Tháp	Phòng Máy 04
65	CB53065	CNDD2311031	Nguyễn Phúc	Tân	06/12/2005	An Giang	Phòng Máy 04
66	CB53066	KETO2311025	Dương Kim	Tiên	16/01/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 04
67	CB53067	2001067	Dương Trung	Tín	12/03/2002	Cà Mau	Phòng Máy 04
68	CB53068	CNDD2311075	Lê Nhật	Tính	19/05/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
69	CB53069	2000413	Nguyễn Trương Việt	Tính	01/09/2002	Hậu Giang	Phòng Máy 04

DANH SÁCH DỰ THI CC ƯD CNTT CƠ BẢN KHÓA 53*Ngày thi: 13/4/2024 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
70	CB53070	CNDD2311003	Hồ Bảo	Toàn	23/06/2005	An Giang	Phòng Máy 04
71	CB53071	2000776	Trần Ngọc	Toàn	23/04/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 04
72	CB53072	KTHC2411033	Nguyễn Anh	Tuyết	23/09/2006	Cần Thơ	Phòng Máy 04
73	CB53073	CNDD2311083	Nguyễn Hữu	Thái	27/11/2005	An Giang	Phòng Máy 05
74	CB53074	CNTP2211027	Trương Hiệp	Thành	04/12/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 05
75	CB53075	2101135	Ngô Hoàng Linh	Thảo	27/12/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 05
76	CB53076	2000861	Bùi Huỳnh Tấn	Thịnh	03/09/2002	An Giang	Phòng Máy 05
77	CB53077	CNDD2311008	Nguyễn Gia	Thịnh	10/09/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 05
78	CB53078	CNDD2311005	Đỗ Long	Thuận	26/07/2005	Đồng Tháp	Phòng Máy 05
79	CB53079	KETO2311049	Bùi Thị Anh	Thư	13/11/2005	Đồng Tháp	Phòng Máy 05
80	CB53080	QTKD2311072	Trần Thanh Thùy	Trang	08/05/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 05
81	CB53081	LQCC2211034	Phạm Ngọc	Trầm	07/05/2004	Vĩnh Long	Phòng Máy 05
82	CB53082	LQCC2211037	Bùi Thanh	Triết	16/07/2004	An Giang	Phòng Máy 05
83	CB53083	CNDD2311056	Nguyễn Văn	Triệu	21/12/2005	Đồng Tháp	Phòng Máy 05
84	CB53084	1800501	Đông Văn	Trường	26/10/2000	An Giang	Phòng Máy 05
85	CB53085	CNDD2311051	Trần Nhật	Trường	21/03/2005	Hậu Giang	Phòng Máy 05
86	CB53086	CNDD2311019	Lê Quốc	Vinh	09/05/2005	Kiên Giang	Phòng Máy 05
87	CB53087	2101084	Phan Công	Vinh	23/06/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 05
88	CB53088	QLCN2211068	Kiên Trần Thảo	Vy	08/04/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 05
89	CB53089	LUAT2211031	Mã Thị Mỹ	Xuyên	03/05/2004	Bạc Liêu	Phòng Máy 05
90	CB53090	LQCC2211041	Trần Ngọc Như	Ý	12/11/2004	Vĩnh Long	Phòng Máy 05